

Số: /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương
và dự kiến kinh phí, chi phí thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định
tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, Thông tư số 36/2026/TT-BTC
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi,
bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số
24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số
56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số
57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự
toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ
quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn về việc quản lý, sử dụng chi phí và định mức cho hoạt động quy hoạch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4410/TTr-STC
ngày 20 tháng 6 năm 2026; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại các Báo cáo số
306/BC-STP ngày 19 tháng 6 năm 2026, số 228/BC-STP ngày 28 tháng 5 năm
2026; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh và Thành viên Ban
Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Phiếu biểu quyết);*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định thẩm quyền quyết định
phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí, chi phí thực hiện một số nhiệm vụ theo
quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, Thông tư số 36/2026/TT-BTC thuộc
phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí, chi phí thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 36/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh, gồm:

1. Phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

2. Phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

3. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện hoạt động quy hoạch tỉnh, quy hoạch chi tiết ngành theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và điểm d khoản 4 Điều 9 Thông tư số 36/2026/TT-BTC.

4. Phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội), tổ chức chính trị.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí, chi phí thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 Quyết định này

1. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh quyết định phê duyệt đối với nhiệm vụ có sử dụng nguồn ngân sách được giao không thực hiện tự chủ cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc. Đối với đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, Thủ trưởng đơn vị quyết định phê duyệt đối với nhiệm vụ có sử dụng nguồn ngân sách được giao của đơn vị mình.

2. Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách thuộc cấp tỉnh quyết định phê duyệt đối với nhiệm vụ sử dụng nguồn ngân sách được giao thực hiện tự chủ.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đối với nhiệm vụ của đơn vị sử dụng ngân sách thuộc phạm vi quản lý của cấp xã.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp các nhiệm vụ tại Điều 1 Quyết định này đã được phê duyệt nhiệm vụ và dự toán theo quy định tại Nghị định số 98/2025/NĐ-CP hoặc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí, chi phí theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực

hiện theo nội dung đã được phê duyệt; việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Quyết định này.

2. Trường hợp các nhiệm vụ tại Điều 1 Quyết định này đã trình cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được phê duyệt thì thực hiện theo thẩm quyền quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan, người có thẩm quyền tại Điều 3 Quyết định này thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn bảo đảm đúng quy định; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tổ chức thực hiện theo đúng thẩm quyền, quy trình, quy định, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; sắp xếp, bố trí nhân lực và các điều kiện phù hợp để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ, quyền hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và xử lý các nội dung phát sinh; đối với các nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp, báo cáo, tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 6;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTr HĐND các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH₅.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Thiên Định